

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 41/2018/HSST
Ngày 28 tháng 8 năm 2018.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Phi.**

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Công Hiến.

Ông Đinh Duy Quyết.

***Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Hứa Công Nguyên -
là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.**

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên
tòa:* ông Phạm Công Hải - Kiểm sát viên.**

Ngày 28/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N, xét xử
sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2018/HSST ngày 01/8/2018,
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXXST-HS ngày 15
tháng 8 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Lê Văn V**, sinh năm 1956; tại xã G, huyện G, tỉnh Ninh
Bình; Nơi cư trú: Thôn B, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Trại
trưởng xử lý nước sạch xã G; trình độ văn hoá: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh;
tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng viên đảng
cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); con ông Lê Văn L và
bà Đinh Thị Q; Vợ: Đoàn Thị L, có 04 con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ
nhất sinh năm 1989; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/6/2018 đến ngày 19/6/2018, được thay
đổi biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại
phiên tòa.

2. Bị cáo **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1970. Tại xã G, huyện G, tỉnh
N. Nơi cư trú: Thôn B, xã G, huyện G, tỉnh N. Nghề nghiệp: Kinh doanh.
Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Giới tính:
Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Kh và bà Lưu Thị H (
đều đã chết), vợ Lê Thị V có 03 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất
sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/6/2018 đến ngày 19/6/2018, được thay
đổi biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại
phiên tòa.

3. bị cáo **Quách Văn L**, tên gọi khác Quách Xuân L, sinh năm 1963. Tại xã G, huyện G, tỉnh N. Nơi cư trú: Thôn T, xã G, huyện G, tỉnh N. Nghề nghiệp: Lao động tự do. dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Văn Nh (là liệt sỹ) và bà Vũ Thị G (đã chết), vợ Trần Thị Th, có 03 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26/9/1985, bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh H Nam Ninh xử phạt 6 tháng tù giam về tội “ Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa”, bị cáo chấp hành xong bản án ngày 04/02/1986.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/6/2018 đến ngày 19/6/2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo **Cao Đăng Kh**, sinh năm 1965 tại thị trấn Ph, huyện Đ, thành phố H. Nơi cư trú: Phố Th, thị trấn Ph, huyện Đ, thành phố H. nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Đăng L và bà Nguyễn Thị Ng (đều đã chết), vợ Trần Thị M có 02 con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: Không;

Lịch sử bản thân: Ngày 27/6/1991, bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 06 tháng tù giam về tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa, chấp hành xong bản án ngày 11/9/1991.

Ngày 20/12/2006, bị tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh H cũ xử phạt 9 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 15 tháng về tội “ Cố ý làm hư hỏng tài sản” – bị cáo chấp hành xong bản án ngày 20/3/2008.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/6/2018 đến ngày 19/6/2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lê Văn V là Trám trưởng Trám xử lý nước sạch xã G ở thôn T, xã G, huyện G. Tới ngày 17/6/2018, V ở lại Trám để trực và bảo vệ. Khoảng 20h cùng ngày, Quách Văn L đi bộ đến Trám nhờ V lắp đồng hồ nước cho gia đình rồi ngồi chơi, uống nước với V; sau đó, Nguyễn Văn Tr và Cao Đăng Kh đi bộ đến Trám để chơi và xem đá bóng cùng với V và L. Đến khoảng 2h ngày 18/6/2018, Tr nhìn thấy có 01 bộ tú lơ khơ để góc bàn để ti vi nên hỏi “*Sao lại có bộ bài ở đây?*” thì L nói “*Hay làm tí phỏm để lấy tiền mai ăn sáng*” - ý rủ đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền, Tr, V, Kh đều đồng ý. Sau đó, L lấy bộ bài tú lơ khơ rồi cùng với Tr, V, Kh ngồi xuống chiếu đã trải sẵn ở phòng ngủ đánh bạc bằng hình thức “đánh phỏm” được thua bằng tiền với mức thấp nhất là 50.000 đồng/người/ván, mức cao nhất là 250.000 đồng/người/ván. Khoảng 10h cùng ngày, khi V, L, Tr, Kh đang

đánh bạc thì bị Tổ công tác Công an huyện G phối hợp với Công an xã G phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 7.400.000 đồng, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu cỏi. Ngoài ra, thu giữ trong người Nguyễn Văn Tr số tiền 3.000.000 đồng, thu giữ tại ngăn kéo tủ kê tại trạm xử lý nước sạch số tiền 4.500.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định số tiền các bị can sử dụng vào việc đánh bạc ngày 18/6/2018 là 10.400.000 đồng (gồm 7.400.000 đồng tiền thu giữ tại chiếu bạc và 3.000.000 đồng thu của Nguyễn Văn Tr).

Tại bản Cáo trạng số 46/CT-VKS-GV ngày 31/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố các bị cáo Quách Văn L, Nguyễn Văn Tr, Lê Văn V, Cao Đăng Kh ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội **“Đánh bạc”**, theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G thực hành quyền công tố tại phiên tòa, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Quách Văn L, Nguyễn Văn Tr, Lê Văn V, Cao Đăng Kh phạm tội **“Đánh bạc”**; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. (không áp dụng điểm i khoản 1 đối với Quách Văn L và Cao Đăng Kh), (điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS được áp dụng đối với Quách Văn L và Lê Văn V):

- Xử phạt bị cáo Quách Văn L. Từ 9 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ (được trừ 1 ngày tạm giữ = 3 ngày cải tạo không giam giữ) thời gian chấp hành còn lại là từ 8 tháng 27 ngày đến 11 tháng 27 ngày, thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã GV, huyện G, tỉnh N nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án, giao bị cáo cho UBND xã G, huyện G, tỉnh N và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

- Xử phạt Cao Đăng Kh từ 6 đến 9 tháng cải tạo không giam giữ (được trừ 01 ngày tạm giữ bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ) thời gian chấp hành còn lại là 5 tháng 27 ngày đến 8 tháng 27 ngày, thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND thị trấn Ph, huyện Đ, thành phố H nhận được Bản sao bản án và Quyết định thi hành án. Giao bị cáo Kh cho UBND thị trấn Ph, huyện Đ, thành phố H giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án, Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn Phùng trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo. Khấu trừ 10% đến 15% thu nhập / tháng đối với bị cáo Lư và Khánh.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn Tr, Lê Văn V mỗi bị cáo từ 22 đến 23 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

+ Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 10.400.000 đồng.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chiếu cói và 01 bộ bài tú lơ khơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên - Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện G, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của Quách Văn L, Nguyễn Văn Tr, Lê Văn V, Cao Đăng Kh đánh ‘phôm” được thua bằng tiền với số tiền sử dụng vào việc đánh « phôm » ngày 18/6/2018 là 10.400.000 đồng, đã phạm tội "Đánh bạc" - quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố Quách Văn L, Nguyễn Văn Tr, Lê Văn V, Cao Đăng Kh, ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội danh và điều luật như đã viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, an toàn công cộng được pháp luật hình sự bảo vệ.

Đánh bạc đang là một tệ nạn nguy hiểm, bị gia đình, xã hội lên án, Nhà nước ta đang ra sức loại trừ. Vì đánh bạc mà nhiều gia đình bị khánh kiệt, nợ nần, tệ nạn cờ bạc cũng là nguyên nhân gây nên các loại tội phạm khác. Các bị cáo đều là người trưởng thành, không chịu tu chí làm ăn lương thiện mà lại tham gia đánh bạc kiếm tiền bất chính. Hành vi của các bị cáo làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự trên địa bàn. Vì vậy, cần phải có biện pháp xử lý thật nghiêm minh, tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và nâng cao công tác phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, để cá thể hoá về hình phạt cần phải xác định vai trò, mức độ tham gia vào việc thực hiện tội phạm của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt tương xứng với mỗi bị cáo. Đối với Quách Văn L là người rủ rê Tr, Kh, V vào việc đánh phôm là người tham gia tích cực từ đầu cho đến khi bị bắt giữ, do vậy Quách Văn L là người giữ vai trò đầu trong vụ án.

Đối với Lê Văn V là Trạm trưởng trạm xử lý nước sạch xã Gia V đã đáng lẽ ra khi L rủ chơi bạc tại địa điểm thuộc quyền quản lý của mình thì phải can ngăn các bị cáo khác, nhưng V lại tham gia một cách tích cực cùng các bị cáo nên giữ vai trò thứ 2 trong vụ án.

Đối với Nguyễn Văn Tr, Cao Đăng Kh là người tích cực tham gia cùng V và L trong việc đánh bạc cho đến khi bị bắt, vì vậy các bị cáo này lần lượt xếp vai trò sau cùng trong vụ án.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này không có bị cáo nào có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo; bị cáo Nguyễn Văn Tr, Lê Văn V đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, bị cáo Quách Văn L có bố đẻ là liệt sỹ. Đây là các tình tiết được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo (riêng bị cáo Quách Văn L và Cao Đăng Kh không được áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, chỉ được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS). Bị cáo Quách Văn L có bố đẻ là liệt sỹ, Lê Văn V là người có công với cách mạng (được tặng thưởng huân chương kháng chiến) nên hai bị cáo L và V được áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về nhân thân: Bị cáo Lê Văn V, Nguyễn Văn Tr phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đối với Quách Văn L ngày 26/9/1985, bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh HNN xử phạt 6 tháng tù giam về tội “ Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa”, bị cáo đã chấp hành xong bản án ngày 04/02/1986. Đối với Cao Đăng Kh, ngày 27/6/1991, bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 06 tháng tù giam về tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa, chấp hành xong bản án ngày 11/9/1991. ngày 20/12/2006, bị tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh H xử phạt 9 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 15 tháng về tội “ Cố ý làm hư hỏng tài sản” – bị cáo đã chấp hành xong bản án ngày 20/3/2008.

[6]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, mức độ tham gia vào việc thực hiện tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo Tr và bị cáo V cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo và nâng cao công tác phòng ngừa

chung, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Đối với bị cáo Quách Văn L và bị cáo Cao Đăng Kh do nhân thân các bị cáo đã từng bị xét xử nên cần xử hai bị cáo này bằng hình phạt cải tạo không giam giữ và khấu trừ 10% thu nhập là phù hợp với quy định của pháp luật

[7]. Về xử lý tài sản tạm giữ và vật chứng: Quá trình điều tra, cũng như tại phiên Tòa đã xác định số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 10.400.000 đồng, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 chiếc chiếu cói, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân là công cụ dùng vào việc phạm tội là vật chứng không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

Việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại 4.500.000 đồng cho đại diện Trạm xử lý nước sạch xã G do Lê Văn V là phù hợp, vì đây là tài sản không liên quan đến việc phạm tội.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Quách Văn L, Nguyễn Văn Tr, Lê Văn V, Cao Đăng Kh phạm tội "**Đánh bạc**".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. (Điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự được áp dụng đối với Lê Văn V).

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Tr** 22.000.000^d (Hai mươi hai triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo **Lê Văn V** 22.000.000^d (Hai mươi hai triệu đồng).

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (Điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự được áp dụng đối với Quách Văn L).

- Xử phạt bị cáo **Quách Văn L (Quách Xuân L)** 9 tháng cải tạo không giam giữ (được trừ 1 ngày tạm giữ = 3 ngày cải tạo không giam giữ) thời gian chấp hành còn lại là từ 8 tháng 27 ngày, thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã G, huyện G, tỉnh N nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án. Giao bị cáo L cho UBND xã G, huyện G, tỉnh N giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã G trong việc giáo dục đối với bị cáo. Khấu trừ 10% thu nhập = 300.000 đồng/1 tháng trong thời gian chấp hành án.

- Xử phạt **Cao Đăng Kh** 6 tháng cải tạo không giam giữ (được trừ 01 ngày tạm giữ bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ) thời gian chấp hành còn lại là 5 tháng 27 ngày, thời gian chấp hành hình phạt cải tạo

không giam giữ tính từ ngày UBND thị trấn Ph, huyện Đ, thành phố H nhận được Bản sao bản án và Quyết định thi hành án. Giao bị cáo Khánh cho UBND thị trấn Ph, huyện Đ, thành phố H giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án, Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn Ph trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo. Khấu trừ 10% thu nhập = 300.000 đồng/1 tháng trong thời gian chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

+ Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 10.400.000 đồng. Số tiền tịch thu đang ở tài khoản tạm gửi của Chi cục thi hành án dân sự huyện G (Số tài khoản 394901054950.00000 tại Kho bạc nhà nước, huyện G).

+ Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc cối, 01 bộ bài tú lơ khơ là công cụ dùng vào việc phạm tội (đặc điểm chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/8/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G và Chi cục thi hành án dân sự huyện G;

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự”.

3. Về án phí:

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- Công an huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- VKSND huyện G;
- Bị cáo; Ng- ời có QLNVLQ;
- L- u hồ sơ, văn phòng;
- (Thông báo cho cq địa phương).

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN THỊ PHI